

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THOẠI SƠN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 206/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 9 - 2024
V/v “Tranh chấp về hôn nhân
và gia đình - ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Văn Hân Em.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung.
- Ông Trần Quang Thái.

- Thư ký phiên tòa: bà Đặng Huỳnh Hoa Lý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 282/2024/TLST-HNGĐ ngày 11/7/2024 về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 183/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/8/2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1974 (có mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã A, huyện T, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* ông Nguyễn Hồng K, sinh năm 1981 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã A, huyện T, tỉnh An Giang.

Địa chỉ liên lạc: Trại giam K1 (thuộc xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai ngày 29/7/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: sau thời gian tìm hiểu, bà Nguyễn Thị H (sau đây gọi là bà H) với ông Nguyễn Hồng K (sau đây gọi là ông K) tiến đến hôn nhân vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện T, tỉnh An Giang vào

ngày 12/12/2002. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và sinh được 02 con chung tên Nguyễn Thanh P, sinh năm 2002 và Nguyễn Thị Yến N, sinh năm 2005. Tuy nhiên, đến năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do ông K không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu. Mặc dù bà H nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông K vẫn không khắc phục, từ đó mâu thuẫn trầm trọng. Đến năm 2018, ông K vi phạm pháp luật, bị xử phạt 18 năm tù về tội “Hiếp dâm” và đang chấp hành án tại Trại giam K1 (thuộc xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang). Nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông K; về con chung, 02 con chung đã trưởng thành, tự lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung, tự thỏa thuận; không có nợ chung.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/8/2024, bị đơn ông Nguyễn Hồng K trình bày: sau thời gian tìm hiểu, ông K và bà H tiến đến hôn nhân vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh An Giang vào ngày 12/12/2002. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và sinh được 02 con chung tên Nguyễn Thanh P, sinh năm 2002 và Nguyễn Thị Yến N, sinh năm 2005. Đến năm 2018, ông K bị xử phạt 18 năm tù về tội “Hiếp dâm” và đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam K1 (thuộc xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang). Từ thời gian đó đến nay, ông K và bà H không còn tình cảm vợ chồng. Nay ông K đồng ý ly hôn với bà H; 02 con chung đã trưởng thành, tự lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung, tự thỏa thuận; không có nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn phát biểu ý kiến:

- *Về thủ tục tố tụng:* Thẩm phán được phân công trực tiếp giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý, về thời hạn giải quyết vụ án, về việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu để tham gia xét xử. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các điều 70, 71 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung giải quyết vụ án:* qua xem xét toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 8, 9, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

+ Về hôn nhân: bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Hồng K.

+ Về con chung: 02 con chung tên Nguyễn Thanh P, sinh năm 2002 và Nguyễn Thị Yến N, sinh năm 2005 đều đã trưởng thành nên không xem xét.

+ Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: bà H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: theo đơn khởi kiện, bà Nguyễn Thị H yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hồng K. Vì vậy, quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn”, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Hồng K đăng ký thường trú tại xã A, huyện T, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: bị đơn ông K có đơn xin vắng mặt (có xác nhận của Trại giam K1). Xét thấy, đơn xin vắng mặt của ông K đúng với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử vắng mặt ông K theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: bà H và ông K tiến đến hôn nhân vào năm 2000, có đăng ký kết hôn nên được UBND xã T, huyện T, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 166, ngày 12/12/2002 (đăng ký quá hạn). Vì vậy, quan hệ hôn nhân của bà H, ông K phù hợp với quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của bà H thấy rằng, bà H và ông K sống hạnh phúc thời gian đầu nhưng đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường cãi vã nhau. Năm 2018, ông K vi phạm pháp luật và đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam K1 (thuộc xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang); từ đó ông K, bà H không còn tình cảm vợ chồng, bỏ mặc nhau cho đến nay.

[3.2] Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/8/2024 (có xác nhận của Trại giam K1), ông K đồng ý ly hôn với bà H.

Từ những nhận định nêu trên, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông K mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

[4] Về quan hệ con chung: bà H và ông K có 02 con chung tên Nguyễn Thanh P, sinh năm 2002 và Nguyễn Thị Yến N, sinh năm 2005 đều đã trưởng thành, tự lao động nên không xét đến.

[5] Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: không có.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: bà H yêu cầu ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 8, 9, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

1.1. Về hôn nhân: bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Hồng K.

1.2. Về con chung: bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Hồng K có 02 con chung tên Nguyễn Thanh P, sinh năm 2002 và Nguyễn Thị Yên N, sinh năm 2005 đều đã trưởng thành.

1.3. Về tài sản chung: tự thỏa thuận.

1.4. Về nợ chung: ghi nhận bà H và ông K xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Hồng K vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số 0014064 ngày 11/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang (bà H đã nộp đủ).

3. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Tây Phú, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang (để biết);
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

Trần Văn Hân Em